



**BAKER TILLY
A&C**

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN
AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.**



BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2012

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN
CẢNG QUY NHƠN**

1/20/12
C
M
T
A
K
C
T
H

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng giám đốc	2 - 4
3. Báo cáo kiểm toán	5
4. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2012	6 - 9
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2012	10
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ năm 2012	11 - 12
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính năm 2012	13 - 30
8. Phụ lục 1: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu	31

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CẢNG QUY NHƠN

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 đã được kiểm toán.

Khái quát về Công ty

Công ty TNHH Một thành viên Cảng Quy Nhơn là Doanh nghiệp được thành lập dưới hình thức chuyển đổi Doanh nghiệp Nhà nước là Cảng Quy Nhơn - Công ty thành viên hạch toán độc lập thuộc Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam thành Công ty TNHH Một thành viên theo Quyết định số 804/QĐ-HĐQT ngày 31 tháng 10 năm 2009 của Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 4100258793 ngày 25 tháng 12 năm 2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định cấp Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp thay đổi lần 1 ngày 02 tháng 03 năm 2012 về việc bổ sung thêm các ngành nghề kinh doanh.

Vốn điều lệ theo giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp : 168.280.683.746 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu tại thời điểm cuối năm : 141.472.674.279 VND

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : Số 02 Phan Chu Trinh - Thành phố Quy Nhơn - Tỉnh Bình Định
Điện thoại : (056) 3 892 363
Fax : (056) 3 891 783
Mã số thuế : 4 1 0 0 2 5 8 7 9 3

Các đơn vị trực thuộc:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Xí nghiệp kinh doanh dịch vụ tổng hợp – Chi nhánh Công ty TNHH Một thành viên Cảng Quy Nhơn	Số 02 Phan Chu Trinh – Thành phố Quy Nhơn – Tỉnh Bình Định
Xí nghiệp xếp dỡ II – Chi nhánh Công ty TNHH Một thành viên Cảng Quy Nhơn	Số 02 Phan Chu Trinh – Thành phố Quy Nhơn – Tỉnh Bình Định
Xí nghiệp sửa chữa cơ khí – Chi nhánh Công ty TNHH Một thành viên Cảng Quy Nhơn	Số 02 Phan Chu Trinh – Thành phố Quy Nhơn – Tỉnh Bình Định
Xí nghiệp Xây dựng công trình – Chi nhánh Công ty TNHH Một thành viên Cảng Quy Nhơn	Số 02 Phan Chu Trinh – Thành phố Quy Nhơn – Tỉnh Bình Định

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp là: Kinh doanh dịch vụ cảng và bến cảng; Dịch vụ đưa đón tàu ra vào cảng, hỗ trợ, lai dắt tàu biển; Kinh doanh kho bãi, kho ngoại quan; Bốc xếp hàng hóa; Dịch vụ giao nhận hàng hóa; Đại lý vận tải hàng hóa, đại lý tàu biển, đại lý vận tải thủy bộ, vận tải đa phương thức; Dịch vụ ăn uống, cung ứng lương thực, thực phẩm cho tàu biển; Mua bán vật tư, thiết bị phục vụ khai thác cảng và kinh doanh xuất nhập khẩu; Đại lý kinh doanh xăng, dầu; Gia công cơ khí; Sản xuất các sản phẩm cơ khí; Sửa chữa máy móc, thiết bị; Sửa chữa phương tiện vận tải đường bộ; Sửa chữa phương tiện vận tải thủy; San lấp mặt bằng; Xây dựng, sửa chữa cầu cảng; Gia công lắp ghép các bộ phận của cầu và bến cảng; Xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp; Sản xuất đồ gỗ.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CÀNG QUY NHƠN
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính tổng hợp đính kèm báo cáo này (từ trang 06 đến trang 31).

Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận của năm trước theo Quyết định số 95/QĐ-CQN ngày 25 tháng 01 năm 2013 của Hội đồng thành viên về việc phê duyệt thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2011. Ngoài ra, Công ty còn tạm phân phối lợi nhuận năm 2012 theo thông tư 138/2010/TT-BTC ngày 17 tháng 09 năm 2010, chi tiết như sau:

	<u>Năm 2011</u>	<u>Năm 2012</u>	<u>Cộng</u>
Quỹ dự phòng tài chính	1.400.108.413	1.536.645.232	2.936.753.645
Quỹ đầu tư phát triển	6.300.487.856	6.914.903.543	13.215.391.399
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	5.800.487.856	6.414.903.543	12.215.391.399
Quỹ thưởng ban điều hành	500.000.000	500.000.000	1.000.000.000
Cộng	14.001.084.125	15.366.452.318	29.367.536.443

Sự kiện sau ngày kết thúc năm tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2012 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính tổng hợp.

Hội đồng thành viên và ban điều hành, quản lý

Hội đồng thành viên và Ban điều hành của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng thành viên

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>	<u>Ngày miễn nhiệm</u>
Nguyễn Quý Hà	Chủ tịch Hội đồng thành viên	15 tháng 12 năm 2009	-
Nguyễn Hữu Phúc	Thành viên	01 tháng 03 năm 2012	-
Lê Minh Tiến	Thành viên	15 tháng 12 năm 2009	-
Huỳnh Tấn Quy Nhơn	Thành viên	15 tháng 12 năm 2009	-
Lê Thị Phê	Thành viên	15 tháng 12 năm 2009	-

Ban kiểm soát

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>	<u>Ngày miễn nhiệm</u>
Nguyễn Thành Nam	Trưởng ban kiểm soát	01 tháng 01 năm 2010	-
Trần Thị Xanh	Kiểm soát viên	01 tháng 01 năm 2010	-
Lê Văn Sỹ	Kiểm soát viên	01 tháng 01 năm 2010	-

Ban Tổng Giám đốc:

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>	<u>Ngày miễn nhiệm</u>
Nguyễn Hữu Phúc	Tổng Giám đốc	01 tháng 03 năm 2012	-
Lê Minh Tiến	Phó Tổng Giám đốc	15 tháng 06 năm 2010	-
Huỳnh Tấn Quy Nhơn	Phó Tổng Giám đốc	01 tháng 03 năm 2012	-
Lê Thị Phê	Kế toán trưởng	31 tháng 12 năm 2009	-

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012, A&C bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là kiểm toán viên độc lập của Công ty.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CẢNG QUY NHƠN
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính tổng hợp phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong từng năm tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp này, Ban Tổng giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Nêu rõ chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính tổng hợp;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty TNHH Một thành viên Cảng Quy Nhơn sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp; các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính được lập tuân thủ các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Tổng giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính tổng hợp đính kèm. Báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty TNHH Một thành viên Cảng Quy Nhơn tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2012, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012, phù hợp với các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính



Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Nguyễn Hữu Phúc
Tổng Giám đốc

Ngày 30 tháng 3 năm 2013

2013
CẢNG
QUY NHƠN
T. BÌNH DƯƠNG

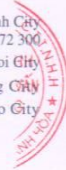


**BAKER TILLY
A&C**

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN
AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.**



Headquarters : 229 Dong Khoi St., Dist.1, Ho Chi Minh City
Tel: (84.8) 38 272 295 - Fax: (84.8) 38 272 300
Branch in Ha Noi : 40 Giang Vo St., Dong Da Dist., Ha Noi City
Branch in Nha Trang: 18 Tran Khanh Du St., Nha Trang City
Branch in Can Tho : 162C/4 Tran Ngoc Que St., Can Tho City
www.a-c.com.vn



Số: 072/2013/BCTC-KTTV

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN
VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2012
CỦA CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CẢNG QUY NHƠN**

**Kính gửi: HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CẢNG QUY NHƠN**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp năm 2012 của Công ty TNHH Một thành viên Cảng Quy Nhơn gồm: Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2012, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, được lập ngày 15 tháng 3 năm 2012, từ trang 06 đến trang 31 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của Kiểm toán viên là đưa ra ý kiến về các báo cáo này dựa trên kết quả công việc kiểm toán.

Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty năm 2011 đã được kiểm toán viên khác kiểm toán. Kiểm toán viên này đã đưa ra Báo cáo kiểm toán vào ngày 10 tháng 04 năm 2012 có dạng ý kiến ngoại trừ do kiểm toán viên bị hạn chế trong việc tham gia chứng kiến kiểm kê quỹ tiền mặt, hàng tồn kho, tài sản cố định tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2011.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính tổng hợp không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, kiểm tra các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính tổng hợp; đánh giá việc tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Tổng Giám đốc cũng như cách trình bày tổng thể Báo cáo tài chính tổng hợp. Chúng tôi tin rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Giới hạn về phạm vi kiểm toán

Tại ngày phát hành Báo cáo này chúng tôi chưa thu thập được thư xác nhận đối với các khoản nợ phải thu khách hàng với số tiền là 25.050.265.164 VND. Với các tài liệu hiện có của Công ty, chúng tôi không thực hiện được các thủ tục kiểm toán thay thế khác để đưa ý kiến của tính chính xác, hiện hữu cũng như khả năng thu hồi của các khoản nợ này.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng do giới hạn nêu trên, Báo cáo tài chính tổng hợp đề cập đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty TNHH Một thành viên Cảng Quy Nhơn tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2012, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, đồng thời phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

**Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C
Chi nhánh Nha Trang – Khánh Hòa**



Nguyễn Văn Kiên – Giám đốc
Chứng chỉ kiểm toán viên số: 0192/KTV

Hàng Quỳnh Hạnh - Kiểm toán viên
Chứng chỉ kiểm toán viên số: 0963/KTV

Nha Trang, ngày 30 tháng 3 năm 2013

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CẢNG QUY NHƠN

Địa chỉ: Số 02 đường Phan Chu Trinh - Thành phố Quy Nhơn - Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		120.974.594.636	73.487.285.728
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	48.455.856.140	16.304.134.079
1. Tiền	111		12.455.856.140	11.804.134.079
2. Các khoản tương đương tiền	112		36.000.000.000	4.500.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		15.700.000.000	10.000.000.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	15.700.000.000	10.000.000.000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		51.167.191.180	36.047.156.678
1. Phải thu khách hàng	131	V.3	48.653.062.844	34.860.607.482
2. Trả trước cho người bán	132	V.4	811.536.600	726.934.727
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.5	2.003.249.551	459.614.469
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	V.6	(300.657.815)	-
IV. Hàng tồn kho	140		5.178.010.561	7.872.376.803
1. Hàng tồn kho	141	V.7	5.178.010.561	7.872.376.803
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		473.536.755	3.263.618.168
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	2.748.137.953
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	158		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.8	473.536.755	515.480.215

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CẢNG QUY NHƠN

Địa chỉ: Số 02 đường Phan Chu Trinh - Thành phố Quy Nhơn - Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		149.067.739.753	161.078.183.529
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		129.873.249.753	141.883.693.529
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	127.846.807.116	138.369.577.818
<i>Nguyên giá</i>	222		458.615.386.076	443.470.584.116
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(330.768.578.960)	(305.101.006.298)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	1.696.399.910	2.506.367.692
<i>Nguyên giá</i>	228		3.101.930.025	3.101.930.025
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(1.405.530.115)	(595.562.333)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.11	330.042.727	1.007.748.019
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
<i>Nguyên giá</i>	241		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		19.189.290.000	19.189.290.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.12	19.189.290.000	19.189.290.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		5.200.000	5.200.000
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		-	-
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268	V.13	5.200.000	5.200.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		270.042.334.389	234.565.469.257

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CẢNG QUY NHƠN

Địa chỉ: Số 02 đường Phan Chu Trinh - Thành phố Quy Nhơn - Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		70.190.055.575	36.864.251.362
I. Nợ ngắn hạn	310		70.190.055.575	35.709.791.570
1. Vay và nợ ngắn hạn	311		-	-
2. Phải trả người bán	312	V.14	15.409.930.696	7.383.989.640
3. Người mua trả tiền trước	313	V.15	799.519.016	699.025.617
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.16	2.438.980.339	1.048.547.759
5. Phải trả người lao động	315	V.17	33.366.085.632	18.324.003.416
6. Chi phí phải trả	316	V.18	789.935.553	3.674.632.469
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.19	2.069.573.876	309.240.000
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.20	15.316.030.463	4.270.352.669
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
II. Nợ dài hạn	330		-	1.154.459.792
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334		-	-
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336	V.21	-	1.154.459.792
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		199.852.278.814	197.701.217.895
I. Vốn chủ sở hữu	410		199.852.278.814	197.701.217.895
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.22	141.472.674.279	141.472.674.279
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417	V.22	46.542.497.271	33.327.105.872
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	V.22	11.837.107.264	8.900.353.619
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.22	-	14.001.084.125
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		270.042.334.389	234.565.469.257

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CẢNG QUY NHƠN

Địa chỉ: Số 02 đường Phan Chu Trinh - Thành phố Quy Nhơn - Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

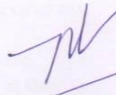
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

Năm 2012

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	410.209.058.451	336.009.244.266
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	410.209.058.451	336.009.244.266
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	369.594.772.424	304.562.381.100
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		40.614.286.027	31.446.863.166
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	6.195.577.590	8.694.462.839
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	31.560.595	571.013.213
Trong đó: chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	24		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.5	25.094.972.060	22.136.873.824
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		21.683.330.962	17.433.438.968
11. Thu nhập khác	31	VI.6	2.021.258.566	1.609.713.055
12. Chi phí khác	32	VI.7	3.080.863.569	405.000.000
13. Lợi nhuận khác	40		(1.059.605.003)	1.204.713.055
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		20.623.725.959	18.638.152.023
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.17	5.257.273.641	4.637.067.898
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>15.366.452.318</u>	<u>14.001.084.125</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		-	-

Quy Nhơn, ngày 15 tháng 3 năm 2013


Nguyễn Kim Toàn
Người lập biểu

Lê Thị Phê
Kế toán trưởng

Nguyễn Hữu Phúc
Tổng Giám đốc

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CÀNG QUY NHƠN

Địa chỉ: Số 02 đường Phan Chu Trinh - Thành phố Quy Nhơn - Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2012

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		20.623.725.959	18.638.152.023
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02	V.9	27.079.241.165	36.458.648.746
- Các khoản dự phòng	03	V.6	300.657.815	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	VI.4	9.006.605	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VII.1	(6.465.629.114)	(8.214.643.018)
- Chi phí lãi vay	06		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		41.547.002.430	46.882.157.751
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(10.814.770.057)	(4.456.372.971)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	V.7	2.694.366.242	(5.408.441.086)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		22.554.039.524	8.413.824.818
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	13		-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	V.16	(5.528.832.446)	(4.328.917.398)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		3.236.400	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	VII.2	(2.256.304.305)	(11.496.133.834)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		48.198.737.788	29.606.117.280
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.9, V.11	(15.324.242.502)	(67.579.565.486)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	VI.6	415.958.328	784.117.303
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	V.2	(5.700.000.000)	(10.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	40.380.533.698
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	VII.3	4.561.268.447	7.430.525.715
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(16.047.015.727)	(28.984.388.770)

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CẢNG QUY NHƠN

Địa chỉ: Số 02 đường Phan Chu Trinh - Thành phố Quy Nhơn - Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		-	-
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		-	-
5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		-	-
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		32.151.722.061	621.728.510
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	16.304.134.079	15.682.405.569
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	48.455.856.140	16.304.134.079

Quy Nhơn, ngày 15 tháng 3 năm 2013

Nguyễn Kim Toàn
Người lập biểu

Lê Thị Phê
Kế toán trưởng

Nguyễn Hữu Phúc
Tổng Giám đốc

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CẢNG QUY NHƠN

Địa chỉ: Số 02 đường Phan Chu Trinh – Thành phố Quy Nhơn – Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Năm 2012

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

- Hình thức sở hữu vốn** : Công ty TNHH Một thành viên thuộc sở hữu Nhà nước
- Lĩnh vực kinh doanh** : Dịch vụ, Xây dựng
- Ngành nghề kinh doanh** : Kinh doanh dịch vụ cảng và bến cảng; Dịch vụ đưa đón tàu ra vào cảng, hỗ trợ, lai dắt tàu biển; Kinh doanh kho bãi, kho ngoại quan; Bốc xếp hàng hóa; Dịch vụ giao nhận hàng hóa; Đại lý vận tải hàng hóa, đại lý tàu biển, đại lý vận tải thủy bộ, vận tải đa phương thức; Dịch vụ ăn uống, cung ứng lương thực, thực phẩm cho tàu biển; Mua bán vật tư, thiết bị phục vụ khai thác cảng và kinh doanh xuất nhập khẩu; Đại lý kinh doanh xăng, dầu; Gia công cơ khí; Sản xuất các sản phẩm cơ khí; Sửa chữa máy móc, thiết bị; Sửa chữa phương tiện vận tải đường bộ; Sửa chữa phương tiện vận tải thủy; San lấp mặt bằng; Xây dựng, sửa chữa cầu cảng; Gia công lắp ghép các bộ phận của cầu và bến cảng; Xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp; Sản xuất đồ gỗ.
- Nhân viên:**
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 Công ty có 935 nhân viên đang làm việc (tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 là 932 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

- Năm tài chính**
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

- Chế độ kế toán áp dụng**
Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CẢNG QUY NHƠN

Địa chỉ: 02 đường Phan Chu Trinh – Thành phố Quy Nhơn – Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức nhật ký chứng từ.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính tổng hợp

Báo cáo tài chính tổng hợp được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Các đơn vị trực thuộc hình thành bộ máy kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính tổng hợp của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

2. Áp dụng qui định kế toán mới

Ngày 24 tháng 10 năm 2012 Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 179/2012/TT-BTC qui định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái áp dụng từ năm tài chính 2012. Thông tư này qui định tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch của ngân hàng thương mại nơi Công ty có giao dịch phát sinh, tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính là tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại hoặc tỷ giá mua vào bình quân của các ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố thay vì sử dụng tỷ giá bình quân liên ngân hàng như hướng dẫn tại Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. Các qui định khác của Thông tư này tương tự như hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán số 10 - Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái mà Công ty đang áp dụng.

3. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập dựa vào đánh giá về khả năng thu hồi của từng khoản nợ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn trên 3 năm.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CẢNG QUY NHƠN

Địa chỉ: 02 đường Phan Chu Trinh – Thành phố Quy Nhơn – Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng hoặc giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp giá đích danh và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

6. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 16
Máy móc và thiết bị	06 - 08
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 06

7. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Công ty là phần mềm vì tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng từ 3 – 5 năm.

8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp đến việc xây dựng nhà xưởng chưa hoàn thành và chưa lắp đặt xong. Các tài sản đang trong quá trình xây dựng cơ bản dở dang và lắp đặt không được tính khấu hao.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CẢNG QUY NHƠN

Địa chỉ: 02 đường Phan Chu Trinh – Thành phố Quy Nhơn – Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

9. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán, công ty con, công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được ghi nhận theo giá gốc. Tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

10. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ.

11. Trợ cấp thôi việc và bảo hiểm thất nghiệp

Công ty phải chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động có thời gian làm việc tại Công ty từ 12 tháng trở lên tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 với mức chi trả bằng $\frac{1}{2}$ tháng lương bình quân làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội của sáu tháng liền kề trước thời điểm thôi việc cho 1 năm làm việc.

Theo Luật bảo hiểm xã hội, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 Công ty phải đóng quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do cơ quan Bảo hiểm xã hội Việt Nam quản lý với tỷ lệ 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của người lao động hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ qui định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp Công ty không phải trả trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của người lao động từ ngày 01 tháng 01 năm 2009.

Trợ cấp thôi việc chi trả trong năm được ghi giảm số dư đã trích lập trong các năm trước. Nếu số dư đã trích lập trong các năm trước không đủ để chi trợ cấp thôi việc cho người lao động thì toàn bộ phần chi còn thiếu được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm. Nếu số dư đã trích lập trong các năm trước sau khi chi trợ cấp thôi việc trong năm vẫn còn số dư thì phần chưa chi được ghi nhận vào thu nhập khác trong năm.

12. Nguồn vốn kinh doanh

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của chủ sở hữu.

13. Trích lập các quỹ

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Thông tư số 138/TT-BTC ngày 17 tháng 09 năm 2010 của Bộ tài chính về việc hướng dẫn phân phối lợi nhuận của Công ty TNHH Một thành viên.

- Quỹ dự phòng tài chính được dùng để bù đắp những tổn thất, thiệt hại xảy ra trong quá trình kinh doanh hoặc các trường hợp bất khả kháng, ngoài dự kiến như thiên tai, hỏa hoạn..., tỷ lệ trích lập là 10% từ lợi nhuận sau thuế.
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi được dùng để khen thưởng, khuyến khích lợi ích vật chất, cải thiện và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động.

14. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất áp dụng tại ngày cuối kỳ. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CẢNG QUY NHƠN

Địa chỉ: 02 đường Phan Chu Trinh – Thành phố Quy Nhơn – Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

15. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được quy đổi theo tỷ giá tại ngày kết thúc năm tài chính.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch của ngân hàng thương mại nơi Công ty có giao dịch phát sinh. Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm là tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại hoặc tỷ giá mua vào bình quân của các ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi tại thời điểm ngày: 31/12/2011: 20.828 VND/USD
31/12/2012: 20.815 VND/USD

16. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

17. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm các nhóm: các khoản phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CẢNG QUY NHƠN

Địa chỉ: 02 đường Phan Chu Trinh – Thành phố Quy Nhơn – Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Các khoản phải thu

Các khoản phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh được xác định theo giá hợp lý, các tài sản tài chính khác được ghi nhận theo giá mua cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

18. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm các khoản phải trả người bán, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

19. Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CẢNG QUY NHƠN

Địa chỉ: 02 đường Phan Chu Trinh – Thành phố Quy Nhơn – Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**20. Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VIII.1

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	47.970.261	188.810.631
Tiền gửi ngân hàng	12.407.885.879	11.615.323.448
Các khoản tương đương tiền	36.000.000.000	4.500.000.000
Cộng	<u>48.455.856.140</u>	<u>16.304.134.079</u>

2. Đầu tư ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền gửi có kỳ hạn từ trên 3 tháng đến 1 năm	5.700.000.000	-
Cho Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam vay	10.000.000.000	10.000.000.000
Cộng	<u>15.700.000.000</u>	<u>10.000.000.000</u>

3. Phải thu của khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Khách hàng tại Công ty	30.301.333.286	24.619.925.272
Khách hàng tại Xí nghiệp dịch vụ	18.182.469.041	10.226.385.958
Khách hàng tại Xí nghiệp cơ khí	169.260.517	14.296.252
Cộng	<u>48.653.062.844</u>	<u>34.860.607.482</u>

4. Trả trước cho người bán

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH Xây dựng Thương mại Dương Kinh	426.098.000	-
Công ty THHH Xây dựng Tổng hợp Nhà mới	187.965.000	-
Công ty TNHH Thiên An Phát	-	410.062.000
Các khách hàng khác	197.473.600	316.872.727
Cộng	<u>811.536.600</u>	<u>726.934.727</u>

5. Các khoản phải thu khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Lãi cho Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam vay	1.430.072.452	-
Phải thu Ban quản lý dự án	358.790.599	358.790.599
Lãi tiền gửi ngân hàng	203.775.000	-
Các khoản phải thu khác	10.611.500	100.823.870
Cộng	<u>2.003.249.551</u>	<u>459.614.469</u>

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CẢNG QUY NHƠN

Địa chỉ: 02 đường Phan Chu Trinh – Thành phố Quy Nhơn – Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi**

Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn trên 3 năm.

7. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Hàng mua đang đi đường	33.754.206	-
Nguyên liệu, vật liệu	1.694.560.306	2.509.639.912
Công cụ, dụng cụ	128.374.672	235.396.213
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	2.584.372.252	4.587.145.237
Hàng hóa	736.949.125	540.195.441
Cộng	<u>5.178.010.561</u>	<u>7.872.376.803</u>

8. Tài sản ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tạm ứng	282.536.755	515.480.215
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	191.000.000	-
Cộng	<u>473.536.755</u>	<u>515.480.215</u>

9. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	<u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u>	<u>Máy móc và thiết bị</u>	<u>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</u>	<u>Thiết bị, dụng cụ quản lý</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá					
Số đầu năm	179.237.709.970	4.435.436.453	257.822.399.258	1.975.038.435	443.470.584.116
Mua sắm mới	2.579.008.833	1.574.747.092	8.432.298.455	295.598.819	12.881.653.199
Đầu tư xây dựng hoàn thành	3.120.294.595	-	-	-	3.120.294.595
Thanh lý, nhượng bán	(201.385.541)	(395.019.832)	(226.996.941)	(33.743.520)	(857.145.834)
Số cuối năm	<u>184.735.627.857</u>	<u>5.615.163.713</u>	<u>266.027.700.772</u>	<u>2.236.893.734</u>	<u>458.615.386.076</u>
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết vẫn còn sử dụng	133.704.268.622	2.489.890.077	118.036.916.645	1.182.879.984	255.413.955.328
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	147.614.591.765	4.167.981.425	152.128.080.222	1.190.352.886	305.101.006.298
Khấu hao trong năm	7.997.236.307	255.704.170	17.857.637.937	268.694.969	26.379.273.383
Thanh lý, nhượng bán	(55.940.428)	(395.019.832)	(226.996.941)	(33.743.520)	(711.700.721)
Số cuối năm	<u>155.555.887.644</u>	<u>4.028.665.763</u>	<u>169.758.721.218</u>	<u>1.425.304.335</u>	<u>330.768.578.960</u>
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	31.623.118.205	267.455.028	105.694.319.036	784.685.549	138.369.577.818
Số cuối năm	<u>29.179.740.213</u>	<u>1.586.497.950</u>	<u>96.268.979.554</u>	<u>811.589.399</u>	<u>127.846.807.116</u>

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CÀNG QUY NHƠN

Địa chỉ: 02 đường Phan Chu Trinh – Thành phố Quy Nhơn – Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**10. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình là phần mềm vi tính

	<u>Nguyên giá</u>	<u>Giá trị hao mòn</u>	<u>Giá trị còn lại</u>
Số đầu năm	3.101.930.025	595.562.333	2.506.367.692
Tăng trong năm	-	809.967.782	-
Số cuối năm	3.101.930.025	1.405.530.115	1.696.399.910

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Chi phí phát sinh trong năm</u>	<u>Kết chuyển vào TSCĐ trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Công trình nhà xưởng cơ khí	948.295.455	2.134.691.940	(3.082.987.395)	-
Công trình nhà vệ sinh công cộng	37.307.200	-	(37.307.200)	-
Công trình điện cầu tàu	22.145.364	307.897.363	-	330.042.727
Cộng	1.007.748.019	2.442.589.303	(3.120.294.595)	330.042.727

12. Đầu tư dài hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Số lượng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Số lượng</u>	<u>Giá trị</u>
Đầu tư cổ phiếu				
- Công ty Cổ phần Chứng khoán Maritime Bank	118.929	1.189.290.000	118.929	1.189.290.000
- Công ty Cổ phần Tân cảng Quy Nhơn	1.800.000	18.000.000.000	1.800.000	18.000.000.000
Cộng	1.918.929	19.189.290.000	1.918.929	19.189.290.000

13. Tài sản dài hạn khác

Ký quỹ, ký cược dài hạn.

14. Phải trả cho người bán

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả người bán tại Văn phòng Công ty	5.383.248.863	5.266.151.067
Phải trả người bán tại Xí nghiệp dịch vụ	9.969.576.702	2.117.838.573
Phải trả người bán tại Xí nghiệp cơ khí	57.105.131	-
Cộng	15.409.930.696	7.383.989.640

15. Người mua trả tiền trước

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Khách hàng tại Văn phòng	456.842.964	247.943.601
Khách hàng tại Xí nghiệp công trình	341.269.578	450.000.000
Khách hàng tại Xí nghiệp dịch vụ	1.406.474	1.082.016
Cộng	799.519.016	699.025.617

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CẢNG QUY NHƠN

Địa chỉ: 02 đường Phan Chu Trinh – Thành phố Quy Nhơn – Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong năm</u>	<u>Số đã nộp trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	12.297.770.150	(12.111.653.470)	186.116.680
Thuế thu nhập doanh nghiệp (*)	1.048.547.759	5.563.788.267	(5.528.832.446)	1.083.503.580
Thuế thu nhập cá nhân	-	4.375.349.235	(3.205.989.156)	1.169.360.079
Tiền thuế đất	-	3.981.522.403	(3.981.522.403)	-
Các loại thuế khác	-	6.000.000	(6.000.000)	-
Cộng	1.048.547.759	26.224.430.055	(24.833.997.475)	2.438.980.339

(*) Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm bao gồm:

	<u>Số tiền</u>
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp năm 2012	5.257.273.641
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước (hạch toán chi phí khác)	306.514.626
Cộng	5.563.788.267

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

Các dịch vụ phục vụ cho tàu vận tải quốc tế	0%
Dịch vụ cấp nước	5%
Dịch vụ hàng hải, bốc xếp, cho thuê kho thuê bãi, cân, dịch vụ khác	10%

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 25%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	20.623.725.959	18.638.152.023
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	405.368.606	(89.880.430)
- Các khoản điều chỉnh tăng	2.275.720.806	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	(1.870.352.200)	(89.880.430)
Thu nhập tính thuế	21.029.094.565	18.548.271.593
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%	25%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	5.257.273.641	4.637.067.898

Tiền thuế đất

Tiền thuế đất phải nộp trong năm gồm:

	<u>Số tiền (VND)</u>
Tiền thuế đất phải nộp năm 2012	3.853.086.336
Phí sử dụng đất phi nông nghiệp 2012	128.436.067
Cộng	3.981.522.403

Công ty phải nộp tiền thuế đất đối với các diện tích đất sử dụng như sau:

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CẢNG QUY NHƠN

Địa chỉ: 02 đường Phan Chu Trinh – Thành phố Quy Nhơn – Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Thửa đất	Diện tích (m2)	Đơn giá	Số tiền
96-04/HĐ-TĐ	213.183,90	27.000	5.755.965.300
149-02/HĐ-TĐ	4.198,20	27.000	105.926.400
96-04/HĐ-TĐ	29.116,50	27.000	786.145.500
96-04/HĐ-TĐ	6.858,80	1.440	9.876.672
38/2007/HĐ-TĐ	38.824,40	27.000	1.048.258.800
Cộng	292.181,80		7.706.172.672

Theo Thông tư 83/2012/TT-BTC của Bộ Tài Chính ngày 23/05/2012 hướng dẫn thực hiện việc miễn, giảm, gia hạn một số khoản thu Ngân sách nhà nước theo Nghị quyết số 13/NQ-CP ngày 15/05/2012 của Chính phủ về một số giải pháp tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh, hỗ trợ thị trường, Công ty hoạt động trong lĩnh vực thương mại, dịch vụ đang được nhà nước cho thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm mà đơn giá thuê đất được áp dụng theo quy định tại Nghị định số 121/2010/NĐ-CP ngày 03/12/2010 của Chính phủ nên Công ty được giảm 50% số tiền thuê đất phải nộp của năm 2012.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

17. Phải trả người lao động

Là số dư quỹ lương còn phải trả cho cán bộ công nhân viên.

Công ty thực hiện đơn giá tiền lương 400 VND/1.000 VND doanh thu theo văn bản số 3188/HHVN – TCTL ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam. Quỹ lương của Ban điều hành Công ty năm 2012 là 3.596.058.160 VND.

Ngoài ra, việc trích và quyết toán quỹ tiền lương theo quy định tại thông tư số 27/2010/TT-BLĐTBXH ngày 14 tháng 9 năm 2010 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội.

18. Chi phí phải trả

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí vận chuyển	789.935.553	3.222.545.379
Chi phí khác	-	452.087.090
Cộng	789.935.553	3.674.632.469

19. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Kinh phí công đoàn	248.784.048	149.180.000
Bảo hiểm xã hội	6.282.296	60.000
Kota Rakyat và Stellar Cupid (*)	1.109.354.400	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	705.153.132	160.000.000
Cộng	2.069.573.876	309.240.000

(*) Thu tiền bồi thường thiệt hại của chủ tàu Kota Rakyat và chủ tàu Stellar Cupid. Công ty ghi nhận khoản này như khoản thu hộ dùng để khắc phục thiệt hại do sự cố nên không ghi nhận vào thu nhập trong kỳ mà sẽ sử dụng để thanh toán các chi phí sửa chữa tài sản bị thiệt hại phát sinh.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CẢNG QUY NHƠN

Địa chỉ: 02 đường Phan Chu Trinh – Thành phố Quy Nhơn – Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**20. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

	Quỹ khen thưởng	Quỹ phúc lợi	Quỹ phúc lợi hình thành TSCĐ	Cộng
Số đầu năm	1.578.543.920	2.581.808.749	110.000.000	4.270.352.669
Tăng do trích lập từ lợi nhuận	8.329.234.840	4.886.156.559	-	13.215.391.399
Tăng khác	-	5.590.700	-	5.590.700
Chi quỹ trong năm	(1.089.350.000)	(975.954.305)	-	(2.065.304.305)
Chi phí khấu hao	-	-	(110.000.000)	(110.000.000)
Số cuối năm	8.818.428.760	6.497.601.703	-	15.316.030.463

21. Dự phòng trợ cấp mất việc làm

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	1.154.459.792	579.255.918
Số trích lập trong năm	-	679.162.374
Số chi trong năm	(144.956.500)	(103.958.500)
Kết chuyển thu nhập khác theo TT 180	(1.009.503.292)	-
Số cuối năm	-	1.154.459.792

22. Vốn chủ sở hữu**Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục 1 đính kèm.

Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận của các năm 2010, 2011 và 2012 theo Thông tư 138/2010/TT-BTC ngày 17/9/2012 của Bộ Tài Chính hướng dẫn chế độ phân phối lợi nhuận đối với Công ty TNHH Một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu. Riêng phần lợi nhuận còn lại chia theo vốn chủ sở hữu sau khi bù đắp quỹ khen thưởng, phúc lợi đã được Công ty ghi nhận vào quỹ đầu tư phát triển của năm 2010, 2011 và 2012 lần lượt là 5.370.643.964 VND, 6.300.487.856 VND và 6.914.903.543 VND mà không tăng vốn đầu tư của chủ sở hữu. Công ty sẽ thực hiện kết chuyển ghi tăng vốn đầu tư của chủ sở hữu sau khi có ý kiến chỉ đạo của Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**1. Doanh thu**

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu thuần bán hàng hóa	52.946.559.240	44.428.533.423
Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	357.262.499.211	291.580.710.843
Cộng	410.209.058.451	336.009.244.266

2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hóa đã cung cấp	52.010.031.153	43.583.617.320
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	317.584.741.271	260.978.763.780
Cộng	369.594.772.424	304.562.381.100

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CẢNG QUY NHƠN

Địa chỉ: 02 đường Phan Chu Trinh – Thành phố Quy Nhơn – Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi	2.894.691.247	7.340.645.285
Lãi cho vay	1.430.072.452	-
Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.870.352.200	89.880.430
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	461.691	1.263.937.124
Cộng	<u>6.195.577.590</u>	<u>8.694.462.839</u>

4. Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lỗ Chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	22.553.990	129.683.524
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	9.006.605	-
Chi phí tài chính khác	-	441.329.689
Cộng	<u>31.560.595</u>	<u>571.013.213</u>

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	8.727.509.444	8.182.281.823
Chi phí vật liệu, công cụ	541.007.725	920.240.441
Chi phí khấu hao tài sản cố định	720.050.000	443.503.270
Thuế phí, lệ phí	3.634.522.626	4.857.775.876
Chi phí dự phòng	211.941.550	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	11.218.833.318	7.730.072.414
Chi phí bằng tiền khác	41.107.397	3.000.000
Cộng	<u>25.094.972.060</u>	<u>22.136.873.824</u>

6. Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thu từ thanh lý tài sản	415.958.328	784.117.303
Thưởng giải phòng tàu nhanh	578.967.946	825.595.752
Tất toán quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm	1.009.503.292	-
Thu nhập khác	16.829.000	-
Cộng	<u>2.021.258.566</u>	<u>1.609.713.055</u>

7. Chi phí khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí thanh lý tài sản cố định	145.445.113	-
Chi phí bị phạt, bị truy thu theo biên bản kiểm tra thuế	2.275.720.806	-
Chi phí phạt trả chậm với công ty Petec	439.243.866	-
Chi phí khác	220.453.784	405.000.000
Cộng	<u>3.080.863.569</u>	<u>405.000.000</u>

112
CH
N
TO
INH
KH
AN

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CẢNG QUY NHƠN

Địa chỉ: 02 đường Phan Chu Trinh – Thành phố Quy Nhơn – Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**8. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	61.476.625.809	44.612.663.716
Chi phí nhân công	168.960.869.349	155.477.822.296
Chi phí khấu hao tài sản cố định	27.079.241.165	36.458.648.746
Chi phí dịch vụ mua ngoài	79.814.482.214	72.029.838.726
Chi phí khác	5.348.494.794	5.138.611.183
Cộng	<u>342.679.713.331</u>	<u>313.717.584.667</u>

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**1. Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thu nhập từ lãi tiền gửi	2.894.691.247	7.340.645.285
Thu nhập từ lãi cho vay	1.430.072.452	-
Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.870.352.200	89.880.430
Lãi từ hoạt động thanh lý tài sản	270.513.215	784.117.303
Cộng	<u>6.465.629.114</u>	<u>8.214.643.018</u>

2. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi quỹ khen thưởng, phúc lợi	2.065.304.305	11.496.133.834
Chi ký quỹ	191.000.000	-
Cộng	<u>2.256.304.305</u>	<u>11.496.133.834</u>

3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thu lãi tiền gửi	2.690.916.247	7.340.645.285
Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.870.352.200	89.880.430
Cộng	<u>4.561.268.447</u>	<u>7.430.525.715</u>

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Giao dịch với bên liên quan****Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan**

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: Ban Tổng Giám đốc, kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và kế toán trưởng trong năm nay là 2.298.112.444 VND.

Giao dịch với các bên liên quan khác

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam	Chủ sở hữu
Công ty Cổ phần Tân cảng Quy Nhơn	Góp vốn đầu tư với tỷ lệ góp vốn là 16,8%

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CẢNG QUY NHƠN

Địa chỉ: 02 đường Phan Chu Trinh – Thành phố Quy Nhơn – Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Các nghiệp vụ phát sinh trong năm giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam		
Cho Tổng Công ty vay	-	10.000.000.000
Lãi tiền cho vay	1.430.072.452	-
Công ty Cổ phần Tân Cảng Quy Nhơn		
Tiền thuê bãi phát sinh trong năm	1.564.720.899	1.685.391.124
Thanh toán tiền thuê bãi	1.399.396.896	1.179.726.191

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam		
Phải thu tiền gốc vay (xem thuyết minh V.2)	10.000.000.000	10.000.000.000
Phải thu lãi tiền vay (xem thuyết minh V.5)	1.430.072.452	-
Cộng nợ phải thu	11.430.072.452	10.000.000.000
Công ty Cổ phần Tân Cảng Quy Nhơn		
Phải trả tiền thuê bãi	1.721.192.989	1.399.396.896
Cộng nợ phải trả	1.721.192.989	1.399.396.896

2. Quản lý rủi ro tài chính

Tổng quan

Hoạt động của Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập. Việc quản lý rủi ro được thực hiện chủ yếu bởi Phòng Kế toán – Tài chính theo các chính sách và các thủ tục đã được Ban Tổng Giám đốc phê duyệt.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng, tiền gửi ngân hàng, cho vay.

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu mở thư tín dụng hoặc có tài sản đảm bảo đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính. Ngoài ra, nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đơn đốc thu hồi.

Khoản phải thu khách hàng của Công ty liên quan đến nhiều đơn vị và cá nhân nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Công ty được gửi tại các ngân hàng có uy tín do vậy rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CẢNG QUY NHƠN

Địa chỉ: 02 đường Phan Chu Trinh – Thành phố Quy Nhơn – Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)*Các khoản cho vay*

Công ty cho chủ sở hữu là Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam vay tiền. Đơn vị này có uy tín và khả năng thanh toán tốt nên rủi ro tín dụng đối với các khoản cho vay là thấp.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh số VII.3 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).

Bảng phân tích về thời gian quá hạn và giảm giá của các tài sản tài chính như sau:

	Chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá	Chưa quá hạn nhưng bị giảm giá	Đã quá hạn nhưng không giảm giá	Đã quá hạn và/hoặc bị giảm giá	Cộng
Số cuối năm					
Tiền và các khoản tương đương tiền	48.455.856.140	-	-	-	48.455.856.140
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	24.889.290.000	-	-	-	24.889.290.000
Phải thu khách hàng	48.352.405.029	-	300.657.815	-	48.653.062.844
Các khoản cho vay	10.000.000.000	-	-	-	10.000.000.000
Các khoản phải thu khác	2.123.195.707	-	358.790.599	-	2.481.986.306
Cộng	133.820.746.876	-	659.448.414	-	134.480.195.290
Số đầu năm					
Tiền và các khoản tương đương tiền	16.304.134.079	-	-	-	16.304.134.079
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	19.189.290.000	-	-	-	19.189.290.000
Phải thu khách hàng	34.559.949.667	-	300.657.815	-	34.860.607.482
Các khoản cho vay	10.000.000.000	-	-	-	10.000.000.000
Các khoản phải thu khác	616.304.085	-	358.790.599	-	975.094.684
Cộng	80.669.677.831	-	659.448.414	-	81.329.126.245

Thời gian quá hạn của các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác đã quá hạn nhưng không giảm giá là quá hạn trên 3 năm.

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phái sinh (bao gồm cả lãi phải trả) dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu có thời hạn từ 1 năm trở xuống như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả cho người bán	15.409.930.696	7.383.989.640
Các khoản phải trả khác	2.859.509.429	3.983.872.469
Cộng	18.269.440.125	11.367.862.109

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CẢNG QUY NHƠN

Địa chỉ: 02 đường Phan Chu Trinh – Thành phố Quy Nhơn – Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn trong vòng 12 tháng có thể được gia hạn với các bên cho vay hiện tại.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Công ty gồm: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro giá nguyên vật liệu.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty quản lý rủi ro liên quan đến biến động của tỷ giá hối đoái bằng cách tối ưu thời hạn thanh toán các khoản nợ, dự báo tỷ giá ngoại tệ, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ tại thời điểm tỷ giá thấp, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản.

Tài sản thuần có gốc ngoại tệ của Công ty như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền và các khoản tương đương tiền	63.207,68	763,74
Phải thu khách hàng	522.964,93	420.812,45
Tài sản thuần có gốc ngoại tệ	586.172,61	421.576,19

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của tỷ giá hối đoái đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể do tài sản thuần có gốc ngoại tệ có giá trị nhỏ.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi có kỳ hạn lãi suất thả nổi.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để đưa ra các quyết định hợp lý trong việc chọn thời điểm vay và kỳ hạn vay thích hợp nhằm có được các lãi suất có lợi nhất cũng như duy trì cơ cấu vay với lãi suất thả nổi và cố định phù hợp.

Các công cụ tài chính có lãi suất thả nổi của Công ty như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền và các khoản tương đương tiền	48.407.885.879	16.115.323.448
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5.700.000.000	-
Tài sản thuần	54.107.885.879	16.115.323.448

Rủi ro về giá nguyên vật liệu

Công ty có rủi ro về sự biến động của giá nguyên vật liệu. Công ty quản lý rủi ro về giá nguyên vật liệu bằng cách theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CẢNG QUY NHƠN

Địa chỉ: 02 đường Phan Chu Trinh – Thành phố Quy Nhơn – Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

3. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

Tài sản tài chính

	Giá trị ghi sổ				Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm		Số đầu năm		Số cuối năm	Số đầu năm
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng		
Tiền và các khoản tương đương tiền	48.455.856.140	-	16.304.134.079	-	48.455.856.140	16.304.134.079
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5.700.000.000	-	-	-	5.700.000.000	-
Phải thu khách hàng	48.653.062.844	(300.657.815)	34.860.607.482	-	48.352.405.029	34.860.607.482
Các khoản cho vay	10.000.000.000	-	10.000.000.000	-	10.000.000.000	10.000.000.000
Các khoản phải thu khác	2.481.986.306	-	980.294.684	-	2.481.986.306	980.294.684
Cộng	115.290.905.290	(300.657.815)	62.145.036.245	-	114.990.247.475	62.145.036.245

Nợ phải trả tài chính

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
	Phải trả người bán	15.409.930.696	7.383.989.640	15.409.930.696
Các khoản phải trả khác	2.859.509.429	3.983.872.469	2.859.509.429	3.983.872.469
Cộng	18.269.440.125	11.367.862.109	18.269.440.125	11.367.862.109

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính:


- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán và các khoản phải trả khác ngắn hạn tương đương giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phân ước tính có khả năng không thu hồi được) của các khoản mục này do có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán và các khoản phải trả khác dài hạn, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán và không có giá giao dịch do 3 công ty chứng khoán công bố được ước tính bằng cách chiết khấu dòng tiền với lãi suất áp dụng cho các khoản nợ có đặc điểm và thời gian đáo hạn còn lại tương tự.

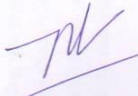
Công ty chưa thực hiện đánh giá chính thức các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của các tài sản tài chính này không có sự khác biệt trọng yếu so với giá trị ghi sổ.

4. Thay đổi ước tính kế toán

Trong năm, Công ty tăng thời gian khấu hao của một số tài sản thuộc phương tiện vận tải, truyền dẫn từ 3 năm lên 3,5 năm và từ 3 năm lên 6 năm vì thực tế sử dụng những năm qua cho thấy tỷ lệ khấu hao các năm trước chưa hợp lý. Việc thay đổi tỷ lệ khấu hao này làm cho chi phí khấu hao năm nay giảm 606.722.770 VND so với việc áp dụng thời gian khấu hao như năm trước.

Quy Nhơn, ngày 15 tháng 3 năm 2012


Nguyễn Kim Toàn
Người lập biểu


Lê Thị Phê
Kế toán trưởng


Nguyễn Hữu Phúc
Tổng Giám đốc

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CẢNG QUÝ NHƠN

Địa chỉ: Số 02 đường Phan Chu Trinh - Thành phố Quy Nhơn - Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Phụ lục 1: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**PHỤ LỤC 1**

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quý đầu tư phát triển	Quý dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	139.877.674.279	29.551.461.908	7.706.877.182	11.934.764.366	189.070.777.735
Tăng vốn từ quý đầu tư phát triển	1.595.000.000	(1.595.000.000)	-	-	-
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	14.001.084.125	14.001.084.125
Trích lập các quỹ từ lợi nhuận năm trước	-	5.370.643.964	1.193.476.437	(11.934.764.366)	(5.370.643.965)
Số dư cuối năm trước	141.472.674.279	33.327.105.872	8.900.353.619	14.001.084.125	197.701.217.895
Số đầu năm	141.472.674.279	33.327.105.872	8.900.353.619	14.001.084.125	197.701.217.895
Lợi nhuận tăng trong năm	-	-	-	15.366.452.318	15.366.452.318
Trích lập các quỹ từ lợi nhuận năm trước	-	6.300.487.856	1.400.108.413	(14.001.084.125)	(6.300.487.856)
Trích lập quỹ trong năm nay	-	6.914.903.543	1.536.645.232	(15.366.452.318)	(6.914.903.543)
Số dư cuối năm nay	141.472.674.279	46.542.497.271	11.837.107.264	-	199.852.278.814

Nguyễn Kim Toàn
Người lập biểu

Lê Thị Phê
Kế toán trưởng

Quy Nhơn, ngày 15 tháng 3 năm 2013



Nguyễn Hữu Phúc
Tổng Giám đốc